

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUY KỲ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 108/UBND - VP
V/v Đơn đốc thực hiện các văn bản
phục vụ công tác chấm điểm CCHC
trên địa bàn xã Quy Kỳ

Quy Kỳ, ngày 17 tháng 5 năm 2023

Kính gửi:

- Cán bộ, công chức xã Quy Kỳ
- Lãnh đạo Trường học, trạm y tế
- Trưởng Công an xã Quy Kỳ

Thực hiện kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND xã Quy Kỳ về thực hiện nâng cao chỉ số cải cách hành chính năm 2023.

Để chuẩn bị cho Hội nghị sơ kết công tác cải cách hành chính sáu tháng đầu năm năm 2023 và đánh giá tiến độ hoàn thành các tiêu chí phục vụ chấm điểm CCHC năm 2023.

Ủy ban nhân dân yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan liên quan thực hiện các nội dung sau:

1. Chuẩn bị các văn bản thực hiện các tiêu chí phục vụ chấm điểm CCHC năm 2023, đã được phân công theo kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 10/3/2023.

- Chuẩn bị văn bản giấy gửi về Văn phòng UBND tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Chuẩn bị văn bản đã được ký số chuyển cho văn phòng UBND lưu hồ sơ theo quy định.

2. Thời gian hoàn thành: Trước ngày 23/6/2023.

3. Dự kiến ngày tổ chức Hội nghị sơ kết sáu tháng đầu năm: 30/6/2023.

(Gửi kèm kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 10/3/2023)

UBND xã yêu cầu cán bộ, công chức, cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Luân Đức Quỳnh

Số: 38/KH-UBND

Quy Kỳ, ngày 10 tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hiện nâng cao chỉ số cải cách hành chính năm 2023

Căn cứ Quyết định 4203/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 ban hành quy định đánh giá xác định chỉ số CCHC đối với UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thái Nguyên; Quyết định 4203/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 ban hành quy định đánh giá xác định chỉ số CCHC đối với UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thái Nguyên;

Ủy ban nhân dân xã Quy Kỳ xây dựng kế hoạch thực hiện nâng cao chỉ số cải cách hành chính năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2023.
- Giúp UBND cấp xã phát hiện những tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện công tác CCHC; đề ra những giải pháp khắc phục thiếu sót, hạn chế mà chỉ số CCHC nêu ra.
- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cơ sở và đội ngũ cán bộ, công chức của địa phương về công tác CCHC.

2. Yêu cầu

- Bám sát nội dung của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định pháp luật có liên quan.
- Đảm bảo đánh giá chính xác, khách quan kết quả triển khai thực hiện CCHC tại UBND cấp xã.
- Việc đánh giá, xác định Chỉ số CCHC tại UBND cấp xã phải gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền cơ sở và được tổ chức đánh giá, xếp hạng định kỳ hằng năm.
- Kết quả đánh giá, xác định và xếp hạng Chỉ số CCHC tại UBND cấp xã là một trong những tiêu chí quan trọng xem xét, đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu chính quyền cơ sở.

Yêu cầu cán bộ, công chức chuyên môn nghiêm túc thực hiện nội dung đã nêu trong kế hoạch này.

II. NỘI DUNG

1. Công tác lãnh đạo, điều hành CCHC (Điểm tối đa 10 điểm)
2. Xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật (Điểm tối đa 7 điểm)
3. Cải cách thủ tục hành chính (Điểm tối đa 20 điểm)
4. Hoạt động của Chính quyền cơ sở (Điểm tối đa 20 điểm)
5. Cải cách chế độ công vụ (Điểm tối đa 10 điểm)
6. Cải cách tài chính công (Điểm tối đa 5 điểm)
7. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (Điểm tối đa 12 điểm)
8. Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội (Điểm tối đa 16 điểm)

(Có biểu chi tiết và phân công Cán bộ, công chức chuyên môn tham mưu thực hiện cụ thể kèm theo kế hoạch)

Trên đây là kế hoạch thực hiện nâng cao chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Quy Kỳ./.

Nơi nhận:

- BTV Đảng ủy;
- TT HĐND-UBND;
- Cán bộ, công chức xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Luân Đức Quỳnh

PHỤ LỤC PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CCHC XÃ QUY KỲ NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Kế hoạch s: 38 /KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND xã Quy Kỳ)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Cán bộ, công chức tham mưu thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	10		
1.1	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC	2	Phan Thị Linh	
1.1.1	Thời điểm ban hành và nội dung kế hoạch	1		
a)	Thời điểm	0,5	Phan Thị Linh	
	- Ban hành chậm nhất ngày 15/01 hằng năm = 0,5 điểm; - Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 15/01 hằng năm = 0 điểm.			Kế hoạch CCHC trong năm và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
b)	Nội dung Kế hoạch	0,5	Phan Thị Linh	
	- Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC theo hướng dẫn và đề ra thời gian cụ thể hoàn thành tại phụ lục nhiệm vụ trọng tâm kèm theo =0,5 điểm; - Không đầy đủ nội dung, nhiệm vụ cụ thể hoặc không đề ra thời gian hoàn thành thể hoặc kế hoạch không có phụ lục nhiệm vụ trọng tâm = 0 điểm.			Kế hoạch CCHC trong năm và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
1.1.2	Kết quả thực hiện Kế hoạch CCHC	1	Phan Thị Linh	
	- Hoàn thành 100% kế hoạch = 1 điểm; - Hoàn thành từ 80% trở lên đến dưới 100% kế hoạch = 0,5 điểm; - Hoàn thành dưới 80% kế hoạch = 0 điểm.			Biểu thống kê, tổng hợp nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra, nêu rõ nhiệm vụ đã hoàn thành, nhiệm vụ chưa hoàn thành; tổng hợp kinh phí bố trí cho Kế hoạch CCHC của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
1.2	Báo cáo CCHC	1	Phan Thị Linh	
1.2.1	Số lượng, thời gian báo cáo	0,5		
	- Thực hiện báo cáo CCHC đầy đủ số lượng, đúng thời gian			Báo cáo thực hiện CCHC của

	<i>theo quy định = 0,5 điểm; - Thực hiện không đầy đủ, không đúng = 0 điểm.</i>			UBND cấp xã và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn
1.2.2	Nội dung báo cáo	0,5	Phan Thị Linh	
	<i>- Báo cáo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu = 0,5 điểm; - Không có báo cáo, hoặc các nội dung không đạt yêu cầu = 0 điểm; *Lưu ý: Số lượng, thời gian, nội dung báo cáo CCHC theo quy định của UBND cấp huyện.</i>			Báo cáo thực hiện CCHC của UBND cấp xã và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn
1.3	Kiểm tra, giám sát công tác CCHC	2	Phan Thị Linh	
1.3.1	Kế hoạch tự kiểm tra CCHC hoặc có nội dung kiểm tra trong kế hoạch CCHC năm	0,25		
	<i>- Có kế hoạch, hoặc có nội dung kiểm tra = 0,25 điểm; - Không có kế hoạch, hoặc có nội dung kiểm tra = 0 điểm.</i>			Kế hoạch CCHC hoặc kế hoạch kiểm tra CCHC (nếu có).
1.3.2	Tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra CCHC trong năm	0,25	Phan Thị Linh	
	<i>- Có tổ chức kiểm tra = 0,25 điểm; - Không tổ chức kiểm tra = 0 điểm.</i>			Báo cáo kết quả kiểm tra, tự kiểm tra; thông báo kết luận kiểm tra.
1.3.3	Cấp ủy giám sát thực hiện CCHC	0,5	Hoàng Thị Vân Anh	
	<i>- Cấp ủy thực hiện giám sát CCHC = 0,5 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm.</i>			Nghị quyết của cấp ủy giám sát về thực hiện CCHC
1.3.4	HĐND cấp xã giám sát công tác CCHC	0,5	Nguyễn Xuân Hoàng	
	<i>- HĐND cấp xã có nghị quyết giám sát công tác CCHC và tổ chức giám sát theo chương trình, kế hoạch = 0,5 điểm; - HĐND cấp xã không có nghị quyết giám sát về CCHC và không tổ chức giám sát theo quy định = 0 điểm.</i>			Nghị quyết của HĐND cấp xã; báo cáo công tác giám sát của HDND cấp xã trong năm.
1.3.5	Xử lý các vấn đề sau kiểm tra CCHC	0,5	Phan Thị Linh	
	<i>- 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, giám sát công tác CCHC được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý = 0,5 điểm; - Dưới 100% = 0 điểm.</i>			Báo cáo kết quả kiểm tra, Thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; văn bản kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra, giám sát
1.4	Tuyên truyền CCHC	1,5	Luân Đức Tú	
1.4.1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền	0,25	Luân Đức Tú	

	- Có Kế hoạch tuyên truyền CCHC hoặc có nội dung tuyên truyền trong kế hoạch CCHC trong năm = 0,25 điểm; - Không có = 0 điểm.			Kế hoạch tuyên truyền CCHC hoặc kế hoạch CCHC năm (có nội dung tuyên truyền).
1.4.2	Các hình thức tuyên truyền về CCHC	1,25	Luân Đức Tú	
a)	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu, tọa đàm, hội thảo về CCHC hoặc tham gia cuộc thi do cấp trên tổ chức	0,5		
	- Do địa phương tự tổ chức = 0,25 điểm; - Tham gia do cấp trên tổ chức = 0,25 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm			Băng, đĩa ghi hình hội thi, cuộc thi, Biên bản, giấy mời, quyết định trao giải cuộc thi tìm hiểu về CCHC.
b)	Hình thức tuyên truyền khác về CCHC	0,75	Luân Đức Tú; Nông Thanh Tuấn	
	- In tờ gấp, cuốn tài liệu tuyên truyền CCHC = 0,25 điểm; - Viết tin, bài đăng bản tin chuyên đề, báo, tạp chí = 0,25 điểm; - Tuyên truyền trên Trang TTĐT hoặc tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh của địa phương = 0,25 điểm; * Lưu ý: thực hiện hình thức nào thì chấm điểm với hình thức đó			Địa chỉ liên kết đến bài viết trên Trang TTĐT, bài viết cho bản tin chuyên ngành, Băng, đĩa ghi hình, Ảnh chụp Pa nô, áp phích, tờ gấp, văn bản minh chứng về các hình thức tuyên truyền đã thực hiện.
1.5	Sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC	1	Cả cơ quan đơn vị	
	- Có sáng kiến, giải pháp CCHC được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh hoặc có từ 2 sáng kiến CCHC trở lên được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở và Hội đồng thẩm định chỉ số CCHC chấp thuận = 1 điểm; - Có 1 sáng kiến CCHC được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở và Hội đồng thẩm định chỉ số CCHC chấp thuận = 0,5 điểm; - Không có = 0 điểm.			Quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng sáng kiến; Bản tóm tắt mô tả tính mới, hiệu quả, được công nhận phạm vi ảnh hưởng (đối với sáng kiến cấp cơ sở) và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
1.6	Vai trò lãnh đạo của cấp ủy đối với khai thực hiện CCHC	1	Hoàng Thị Vân Anh	
	- Cấp ủy có Nghị quyết lãnh đạo thực hiện CCHC = 1 điểm; - Không có = 0 điểm.			Nghị quyết hoặc Chỉ thị của cấp ủy lãnh đạo thực hiện công tác CCHC và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
1.7	Người đứng đầu chính quyền trực tiếp phụ trách CCHC	0,5	Phan Thị Linh	

	- Phân công Chủ tịch UBND cấp xã phụ trách công tác CCHC = 0,5 điểm; - Không phân công = 0 điểm.			Quyết định phân công Chủ tịch UBND cấp xã trực tiếp phụ trách công tác CCHC.
1.8	Các hoạt động nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (nếu có)	1	Phan Thị Linh	
1.8.1	Báo cáo phân tích, đánh giá hạn chế, tồn tại Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (nếu có) của địa phương	0,5	Phan Thị Linh	
	- Có báo cáo phân tích tồn tại, hạn chế, tiêu chí mất điểm... và đưa ra giải pháp khắc phục hạn chế = 0,5 điểm; - Không có báo cáo = 0 điểm.			Báo cáo phân tích, đánh giá hạn chế, tồn tại Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng (nếu có) của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
1.8.2	Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính ((nếu có) của địa phương	0,5	Phan Thị Linh	
	- Xây dựng Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng (nếu có) của địa phương = 0,5 điểm; - Không xây dựng = 0 điểm.			Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng (nếu có) của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
<u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG I:</u>				
- Phòng Nội vụ chủ trì thẩm định điểm tự chấm tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.5, 1.6, 1.7; - Phối hợp với Phòng Văn hóa - Thông tin thẩm định điểm tự chấm tiêu chí 1.4.				
II	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC THI PHÁP LUẬT	7		
2.1	Ban hành văn bản của HĐND và UBND cấp xã	0,5	Lường Thị Kim Doanh	
2.1.1	Ban hành văn bản của HĐND	0,25		
	- Địa phương trong năm HĐND không ban hành văn bản QPPL = 0,25 điểm; - Địa phương trong năm HĐND có ban hành văn bản QPPL: + 100% văn bản ban hành đúng quy định, không có văn bản bị cơ quan có thẩm quyền kiến nghị xử lý = 0,25 điểm; + Có văn bản ban hành văn bản không đúng quy định = 0			Báo cáo của địa phương; văn bản QPPL của địa phương ban hành trong năm và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

	<i>điểm.</i>			
2.1.2	Ban hành văn bản của UBND	0,25	Lường Thị Kim Doanh	
	- Địa phương trong năm UBND không ban hành văn bản QPPL = 0,25 điểm; - Địa phương trong năm UBND có ban hành văn bản QPPL: + 100% văn bản ban hành đúng quy định, không có văn bản bị cơ quan có thẩm quyền kiến nghị xử lý = 0,25 điểm; + Có văn bản ban hành văn bản không đúng quy định = 0 điểm.			Báo cáo của địa phương; văn bản QPPL của địa phương ban hành trong năm và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
2.2	Rà soát và xử lý văn bản sau rà soát	1,5	Mạc Sỹ Hưng	
2.2.1	Kế hoạch rà soát văn bản QPPL và tổ chức rà soát	0,5		
	- Ban hành Kế hoạch rà soát văn bản QPPL theo quy định = 0,5 điểm; - Không ban hành hoặc ban hành không đúng quy định = 0 điểm.			Kế hoạch rà soát văn bản QPPL theo quy định.
2.2.2	Thực hiện rà soát văn bản QPPL	0,5	Mạc Sỹ Hưng	
	- Thực hiện nghiêm túc công tác rà soát văn bản theo quy định = 0,5 điểm; - Thực hiện không đúng yêu cầu = 0 điểm.			Báo cáo rà soát văn bản QPPL, văn bản kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát văn bản QPPL; thống kê số văn bản đã rà soát, số văn bản phải xử lý, kiến nghị xử lý sau rà soát.
2.2.3	Xử lý văn bản sau khi có kiến nghị của cơ quan chuyên môn	0,5	Mạc Sỹ Hưng	
	- Không có văn bản được kiến nghị xử lý = 0,5 điểm; - Có văn bản được kiến nghị xử lý và kịp thời xử lý kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền = 0,5 điểm; - Không xử lý hoặc xử lý không kịp thời văn bản có nội dung được kiến nghị xử lý của cơ quan có thẩm quyền = 0 điểm.			Báo cáo, kết quả xử lý văn bản trái pháp luật của địa phương, Quyết định sửa đổi, bãi bỏ văn bản được kiến nghị xử lý hoặc Tờ trình đề nghị sửa đổi, bãi bỏ văn bản được kiến nghị xử lý và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn
2.3	Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	2	Mạc Sỹ Hưng	

2.3.1	Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5	Mạc Sỹ Hưng	
	- Có ban hành đúng quy định = 0,5 điểm; - Không ban hành hoặc ban hành không đúng quy định = 0 điểm.			Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn
2.32	Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật	1,5	Mạc Sỹ Hưng	
a)	Công khai văn bản quy phạm pháp luật theo quy định	0,5	Mạc Sỹ Hưng	
	- Công khai đầy đủ các hình thức, nội dung đúng quy định = 0,5 điểm; - Công khai không đầy đủ = 0 điểm. * Ghi chú: Công khai gồm văn bản QPPL, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước) thuộc trách nhiệm của UBND cấp huyện.			Quyết định ban hành Danh mục văn bản được công khai; Các hình thức đã thực hiện công khai (địa chỉ trang thông tin điện tử; ảnh chụp công khai tại trụ sở cơ quan; số Công báo đăng tải văn bản QPPL...vv).
b)	Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới ban hành cho cán bộ, công chức trong cơ quan	0,5	Mạc Sỹ Hưng	
	- Có thực hiện = 0,5 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm.			- Kế hoạch, giấy mời, thông báo tổ chức triển khai, tuyên truyền văn bản pháp luật mới; - Kế hoạch và Báo cáo công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hàng năm; Công văn triệu tập hội nghị hoặc giấy mời và danh sách đối tượng tham gia hội nghị cùng các sản phẩm phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật như: Băng, đĩa ghi hình, pa nô, áp phích, biên bản ...vv minh chứng về các hình thức tuyên truyền đã thực hiện.
c)	Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn theo quy định	0,5	Mạc Sỹ Hưng	

	<ul style="list-style-type: none"> - Có thực hiện = 0,5 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm. 			Các sản phẩm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù như: Băng, đĩa ghi hình, biên bản, các sản phẩm tuyên truyền phù hợp với đối tượng đặc thù...vv minh chứng về các hình thức đã thực hiện.
2.4	Thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật	1	Mạc Sỹ Hưng	
2.4.1	Kế hoạch và thực hiện các hoạt động theo dõi, thi hành pháp luật	0,5	Mạc Sỹ Hưng	
	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành kế hoạch và thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật theo quy định = 0,5 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm. 			<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của địa phương - Báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật, văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề qua theo dõi, thi hành pháp luật của địa phương. - Thống kê số vấn đề phát hiện trong quá trình theo dõi thi hành pháp luật; số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý; số đã được xử lý, giải quyết và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
2.4.2	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0,5	Mạc Sỹ Hưng	
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng thời gian, nội dung quy định = 0,5 điểm; - Không đúng quy định = 0 điểm. 			Báo cáo kết quả thực hiện theo dõi thi hành pháp luật và đánh giá của cơ quan chuyên môn
2.5	Cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	1	Mạc Sỹ Hưng	
	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định = 1 điểm; - Chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định = 0 điểm. 			Báo cáo của UBND cấp xã, theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
2.6	Thực hiện công tác hòa giải ở địa phương	1	Mạc Sỹ Hưng	

	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt công tác hòa giải, tỷ lệ hòa giải thành công từ 80% trở lên = 1 điểm; - Thực hiện tốt công tác hòa giải, tỷ lệ hòa giải thành từ 70% đến dưới 80% = 0,5 điểm; - Công tác hòa giải không tích cực, tỷ lệ hòa giải thành dưới 70% = 0 điểm. 			Báo cáo của UBND cấp xã và theo dõi đánh giá của cơ quan chuyên môn.
		PHẦN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG II: Phòng Tư pháp chủ trì thẩm định điểm tự chấm tiêu chí thuộc nội dung II.		
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	20		
3.1	Công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)	3	Phan Thị Linh	
3.1.1	Kế hoạch kiểm soát TTHC và triển khai thực hiện	1		
a)	Kế hoạch kiểm soát TTHC	0,25	Phan Thị Linh	
	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC theo quy định = 0,25 điểm; - Không ban hành hoặc ban hành không đúng quy định = 0 điểm. * <u>Lưu ý</u>: Kế hoạch phải có phụ lục nhiệm vụ trọng tâm kèm theo. 			Kế hoạch KSTTHC của địa phương.
b)	Thực hiện kế hoạch	0,75	Phan Thị Linh	
	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành dưới 100% kế hoạch trở lên = 0,75 điểm; - Hoàn thành dưới 100% kế hoạch = 0 điểm. 			<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo KSTTHC, Kế hoạch KSTTHC của địa phương. - Thống kê, tổng hợp số nhiệm vụ theo Kế hoạch đề ra, số nhiệm vụ đã hoàn thành, số nhiệm vụ chưa hoàn thành và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.1.2	Thực hiện rà soát TTHC	1,5	Phan Thị Linh Và Công chức chuyên môn	
a)	Kế hoạch rà soát TTHC và tổ chức thực hiện	0,25		
	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành kế hoạch rà soát TTHC theo quy định = 0,25 điểm; - Không ban hành Kế hoạch theo quy định = 0 điểm. 			Kế hoạch rà soát TTHC, báo cáo kết quả rà soát TTHC và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan

				chuyên môn.
b)	Báo cáo kết quả rà soát TTHC	0,25	Phan Thị Linh	
	- Báo cáo kết quả rà soát với cơ quan có thẩm quyền đúng quy định = 0,25 điểm; - Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng quy định = 0 điểm.			Báo cáo kết quả rà soát TTHC và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
c)	Kiến nghị sau rà soát TTHC	1	Phan Thị Linh	
	- Kiến nghị với cơ quan thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đơn giản hóa thành phần hồ sơ hoặc yêu cầu, điều kiện hoặc đề xuất cắt giảm TTHC = 0,75 điểm; - Kiến nghị giảm thời gian giải quyết = 0,25 điểm; - Không kiến nghị = 0 điểm.			Báo cáo KSTTHC, Văn bản yêu cầu rà soát trong nội bộ, Sở, ngành; Văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ TTHC (nếu có) và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.1.3	Báo cáo hoạt động kiểm soát TTHC	0,5	Phan Thị Linh	
	- Thực hiện đầy đủ nội dung, số lượng, báo cáo đúng thời gian quy định = 0,5 điểm; - Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm.			Báo cáo KSTTHC của cơ quan, đơn vị và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	17		
3.2.1	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Bộ phận một cửa cấp xã	0,5	Phan Thị Linh	
	- Có ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung kịp thời = 0,5 điểm; - Không ban hành hoặc không sửa đổi, bổ sung kịp thời = 0 điểm.			Quyết định ban hành quy chế làm việc của Bộ phận một cửa và theo dõi của cơ quan chuyên môn.
3.2.2	Diện tích phòng làm việc Bộ phận một cửa đáp ứng yêu cầu	0,5	Phan Thị Linh	
	- Phòng làm việc của UBND cấp xã đáp ứng yêu cầu = 0,5 điểm; - Không đáp ứng yêu cầu = 0 điểm. * Ghi chú: Diện tích đảm bảo đủ vị trí chỗ ngồi làm việc cho cán bộ, công chức; đủ chỗ ngồi chờ cho người dân, doanh nghiệp, có vị trí để người dân kê khai hồ sơ, đủ vị trí bố trí niêm yết công khai TTHC và bố trí trang, thiết bị khác.			Báo cáo của địa phương, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn có liên quan

3.2.3	Trang, thiết bị đáp ứng yêu cầu Bộ phận một cửa đáp ứng yêu cầu	0,5	Phan Thị Linh	
	- Trang thiết bị đáp ứng yêu cầu tối thiểu: <i>đủ máy tính cho công chức làm việc, máy in, phần mềm một cửa điện tử, máy scanner, màn hình tra cứu thông tin, hệ thống camera giám sát được kết nối với cơ quan cấp trên, quạt mát... = 0,25 điểm;</i> - Có thêm một trong các trang thiết bị bổ sung: <i>máy lấy số tự động và đánh giá hài lòng, máy photocopy, điều hòa... 0,25 điểm.</i>		Phan Thị Linh	Báo cáo của địa phương, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn có liên quan
3.2.4	Hệ thống camera giám sát kết nối với cơ quan cấp trên	1	Bộ phận một cửa	
	- <i>Có hệ thống camera giám sát được kết nối với cơ quan cấp trên = 1 điểm;</i> - <i>Có hệ thống camera nhưng không kết nối với cơ quan cấp trên = 0,5 điểm;</i> - <i>Không có = 0 điểm.</i>			Thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn có liên quan.
3.2.5	Công khai thủ tục hành chính	1,5	Phan Thị Linh	
a)	Công khai tại Bộ phận một cửa	0,5	Phan Thị Linh	
	- <i>100% số TTHC thuộc thẩm quyền công khai đúng quy định tại Bộ phận một cửa = 0,5 điểm;</i> - <i>Dưới 100% hoặc công khai không đúng quy định = 0 điểm.</i>			Báo cáo CCHC, báo cáo kiểm soát TTHC năm của địa phương; thống kê danh sách TTHC thuộc thẩm quyền của địa phương; ảnh chụp thực tế tại cơ sở và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
b)	Đăng tải TTHC trên Trang thông tin điện tử của địa phương	1	Luân Đức Tú	
	- <i>100% số TTHC thuộc thẩm quyền được đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của địa phương đúng quy định = 1 điểm;</i> - <i>Dưới 100% hoặc đăng tải không đúng quy định = 0 điểm.</i>			- Địa chỉ liên kết đến chức năng đăng tải TTHC của Trang thông tin điện tử của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn. - Địa phương không có thẩm quyền được cập nhật TTHC trên Trang

				TTĐT phải có văn bản đề nghị các cơ quan liên quan phối hợp cập nhật TTHC trên Trang TTĐT đảm bảo đúng quy định.
3.2.6	Công khai và danh sách cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa	1	Phan Thị Linh	
a)	Công khai tại Bộ phận một cửa	0,5	Phan Thị Linh	
	- Công khai đầy đủ, đúng quy định = 0,5 điểm; - Niêm yết không đầy đủ = 0 điểm. * Lưu ý công khai bao gồm: tên, chức danh, số điện thoại người đứng đầu bộ phận một cửa; tên, chức danh, lĩnh vực công tác, số điện thoại của cán bộ, công chức, viên chức được phân công tiếp nhận và giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa.			Ảnh chụp toàn cảnh bộ phận một cửa thể hiện rõ biển tên, lĩnh vực của CBCCVC làm việc.
b)	Công khai trên Trang thông tin điện tử	0,5	Luân Đức Tú	
	- Thực hiện, đúng quy định = 0,5 điểm; - Không công khai hoặc công khai không đúng quy định = 0 điểm.			Địa chỉ liên kết Trang thông tin điện tử đăng tải danh sách cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa.
3.2.7	Hướng dẫn công dân thực hiện TTHC bằng phiếu	0,5	Bộ phận một cửa	
	- Có thực hiện = 0,5 điểm; - Không hướng dẫn bằng phiếu = 0 điểm.			Phiếu hướng dẫn công dân đã thực hiện TTHC và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.8	Xây dựng và niêm yết bộ hồ sơ mẫu tại Bộ phận một cửa	0,5	Bộ phận một cửa	
	- Có thực hiện = 0,5 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm. * Lưu ý: đủ hồ sơ mẫu của các lĩnh vực đang thực hiện tại Bộ phận một cửa			Bộ TTHC mẫu được ban hành, niêm yết đúng quy định và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.9	Xây dựng và đăng tải Video hướng dẫn thực hiện TTHC trên Trang thông tin điện tử hoặc công khai tại Bộ phận một cửa	0,5	Bộ phận một cửa	
	- Có thực hiện = 0,5 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm.			Địa chỉ liên kết đến nội dung Video hướng dẫn công dân được đăng tải

				trên Trang thông tin điện tử và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.10	Phân công lãnh đạo “trực tại bộ phận một cửa” để ký văn bản, giấy tờ phục vụ cá nhân, tổ chức	1	Phan Thị Linh	
	- Có thực hiện = 1 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm.			Quyết định phân công, lịch trực của lãnh đạo UBND tại bộ phận một cửa và theo dõi của cơ quan chuyên môn
3.2.11	TTHC lĩnh vực công an thực hiện tại Bộ phận một cửa theo quy định của UBND tỉnh	1	Nguyễn Văn Tuyên	
	- Có thực hiện theo quy định = 1 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm.			Báo cáo của địa phương, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.12	TTHC theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện tại Bộ phận một cửa	1	Nguyễn Văn Tuyên Ban chỉ huy Quân sự	
	- Có thực hiện theo quy định = 1 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm.			Báo cáo của địa phương, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.13	Thực hiện liên thông lĩnh vực đất đai	1	Hoàng Văn Hường	
	- Thực hiện đúng quy trình = 1 điểm; - Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm.			- Phiếu chuyển hồ sơ hoặc quy trình luân chuyển trên hệ thống phần mềm 1 cửa) - Báo cáo của UBND cấp xã và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.14	Thực hiện liên thông với cấp huyện, các cơ quan liên quan TTHC về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	1	Mạc Sỹ Hưng Nguyễn Văn Tuyên (Sỹ) Ma Văn Viên	
	- Thực hiện đúng quy định = 1 điểm; - Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm.			- Phiếu chuyển hồ sơ hoặc quy trình luân chuyển trên hệ thống phần mềm 1 cửa);

				- Báo cáo của UBND cấp xã và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.15	Liên thông TTHC đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất, hỗ trợ mai táng phí	1	Mạc Sỹ Hưng Nguyễn Văn Tuyên (Sỹ) Đỗ Văn Hoàng	
	- Thực hiện đúng quy định = 1 điểm; - Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng = 0 điểm.			- Phiếu chuyển hồ sơ hoặc quy trình luân chuyển trên hệ thống phần mềm 1 cửa); - Báo cáo của địa phương và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.16	Cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	1	Mạc Sỹ Hưng Ma Văn Viên	
	- Có thực hiện, có phát sinh hồ sơ = 1 điểm; - Có thực hiện nhưng không có phát sinh hồ sơ = 0,25 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm.			Báo cáo của địa phương, kiểm tra trực tiếp trên hệ thống và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.17	Tạo lập tài khoản cho cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia	1	Luân Đức Tú	
	- 100% cán bộ, công chức được tạo lập tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia = 0,25 điểm; - Có tài khoản của cán bộ, công chức phát sinh hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia = 0,5 điểm; - Tạo tài khoản cho cá nhân đến giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa = 0,25 điểm.			Lập danh sách cán bộ, công chức có tài khoản, kiểm tra, đối chiếu trên hệ thống và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.18	Tiếp nhận và giải quyết phản ánh kiến nghị liên quan đến giải quyết TTHC	0,5	Phan Thị Linh Luân Đức Tú	
a)	Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị	0,25		
	- Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của công dân theo quy định = 0,25 điểm; - Không có hoặc có nhưng không đúng quy định = 0 điểm.			Báo cáo kết quả kiểm soát TTHC, ảnh chụp thực tế tại cơ sở, kết quả kiểm tra, theo dõi của cơ quan chuyên môn.
b)	Tiếp nhận và giải quyết phản ánh, kiến nghị	0,25	Phan Thị Linh	

	<p>-Tiếp nhận và giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng pháp luật những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức = 0,25 điểm;</p> <p>- Không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng, không đúng pháp luật những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức = 0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Trong năm UBND cấp xã không nhận được phản ánh, kiến nghị của người dân thì chấm 0,25 điểm cho điểm b, tiêu chí 3.1.4</p>			Sổ tiếp nhận phản ánh kiến nghị, kết quả kiểm tra, theo dõi của cơ quan chuyên môn; văn bản xử lý, giải quyết phản ánh kiến nghị của công dân (nếu có).
3.2.19	Công khai kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh	1	Luân Đức Tú Phan Thị Linh Mạc Sỹ Hưng Đỗ Văn Hoàng	
	<p>- Đối với UBND cấp xã có tỷ lệ giải quyết hồ sơ trả sớm hạn đúng hạn đạt dưới 99% = 0 điểm;</p> <p>- Đối với UBND cấp xã có tỷ lệ giải quyết hồ sơ trả sớm hạn đúng hạn đạt từ 99% trên lên điểm được tính như sau: + Có 100% kết quả, tiến độ giải quyết TTHC được công khai trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh = 1 điểm; + Công khai dưới 100% = 0 điểm.</p>			Báo cáo, thống kê kết quả thực hiện; truy cập, kiểm tra trực tiếp trên số liệu lưu trữ trên phần mềm của địa phương; Kiểm tra trực tiếp số liệu từ Trực liên thông, xử lý hồ sơ TTHC được công khai trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan chuyên môn.
3.2.20	Đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông	0,5	Luân Đức Tú Phan Thị Linh Mạc Sỹ Hưng Đỗ Văn Hoàng	
	<p>- Rà soát, phân loại, kiểm đếm số lượng kết quả giải quyết TTHC đang được lưu trữ bằng giấy tại địa phương đúng thời gian và báo cáo theo quy định = 0,5 điểm;</p> <p>- Không rà soát hoặc rà soát không đúng thời gian hoặc không báo cáo đúng quy định = 0 điểm.</p>			Báo cáo rà soát của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.21	Xin lỗi công dân bằng văn bản khi có hồ sơ trả chậm	0,25	Luân Đức Tú Phan Thị Linh Mạc Sỹ Hưng Đỗ Văn Hoàng	

	<p>Yêu cầu:</p> <p>- Thực hiện xin lỗi công dân bằng văn bản, đúng quy định khi có hồ sơ trả chậm = 0,25 điểm (địa phương có 100% hồ sơ giải quyết và trả kết quả sớm hạn, đúng hạn thì chấm 0,25 điểm cho nội dung này);</p> <p>- Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định = 0 điểm.</p>				Văn bản xin lỗi của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.22	Thực hiện đánh giá kết quả giải quyết TTHC	0,25	Luân Đức Tú Phan Thị Linh Mạc Sỹ Hưng Đỗ Văn Hoàng		
	<p>Yêu cầu:</p> <p>- Đánh giá và báo cáo đúng quy định = 0,25 điểm.</p> <p>- Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm.</p>				
<p>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG III: Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ, Phòng Văn hóa - Thông tin và các cơ quan liên quan thẩm định, chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của nội dung III.</p>					
IV	HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ	20			
4.1	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐND cấp xã	4			
4.1.1	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND cấp xã	1	Nguyễn Xuân Hoàng		
a)	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026	0,5	Nguyễn Xuân Hoàng		
	<p>- Ban hành Quy chế hoạt động của HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 đảm bảo đúng yêu cầu, rõ nhiệm vụ = 0,5 điểm;</p> <p>- Ban hành Quy chế hoạt động của HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 không đảm bảo đúng yêu cầu = 0 điểm.</p>				Quy chế hoạt động của HĐND cấp xã và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
b)	Ban hành Nội quy các kỳ họp của HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026	0,5	Nguyễn Xuân Hoàng		
	<p>- Có ban hành đầy đủ các nội quy = 0,5 điểm;</p> <p>- Chưa ban hành hoặc ban hành không đầy đủ theo quy định = 0 điểm.</p>				Nội quy các kỳ họp của HĐND cấp xã và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

4.1.2	Thực hiện chức năng giám sát của HĐND cấp xã	1,5	Nguyễn Xuân Hoàng	
a)	Xây dựng kế hoạch giám sát	0,5		
	- Có xây dựng kế hoạch giám sát và tổ chức thực hiện = 0,5 điểm; - Không xây dựng = 0 điểm.		Nguyễn Xuân Hoàng	Kế hoạch giám sát, văn bản về thực hiện giám sát và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
b)	Kiến nghị cơ quan chức năng xử lý, giải quyết các vấn đề qua giám sát	1	Nguyễn Xuân Hoàng	
	- Qua giám sát phát hiện và có văn bản kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết các vấn đề phát hiện trong quá trình thực hiện giám sát = 1 điểm; - Qua giám sát không phát hiện vấn đề hoặc có phát hiện nhưng không kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết các vấn đề phát hiện qua giám sát = 0 điểm.			Văn bản kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát hiện qua giám sát và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.1.3	Đại biểu HĐND cấp xã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, tiếp xúc cử tri theo quy định	0,5	Nguyễn Xuân Hoàng	
	- Đại biểu HĐND cấp xã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, tham gia sinh hoạt, tiếp xúc cử tri theo quy định; phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri đến cơ quan chức năng = 0,5 điểm; - Đại biểu HĐND cấp xã thực hiện không tốt chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn; không tham gia sinh hoạt, tiếp xúc cử tri không đúng quy định; không phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri đến cơ quan chức năng = 0 điểm.			Nghị quyết các kỳ họp và biên bản cuộc họp, cuộc thảo luận và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.1.4	Thực hiện Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu theo quy định	0,5	Nguyễn Xuân Hoàng	
	- Thực hiện đúng quy định = 0,5 điểm; - Thực hiện không đúng = 0 điểm.			Nghị quyết về việc lấy phiếu tín nhiệm theo quy định và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.1.5	Quyết định các biện pháp theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương trên địa bàn cấp xã	0,5	Nguyễn Xuân Hoàng	
	- Thực hiện đúng quy định = 0,5 điểm;			Nghị quyết các kỳ họp và biên bản

	- Thực hiện không đúng = 0 điểm.			cuộc họp, cuộc thảo luận và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.2	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp xã	8	Lường Thị Kim Doanh	
4.2.1	Quy chế hoạt động của UBND cấp xã	0,5	Lường Thị Kim Doanh	
	- Ban hành kịp thời Quy chế làm việc của UBND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 đảm bảo yêu cầu quy định = 0,5 điểm; - Ban hành không kịp thời = 0 điểm.			Quy chế làm việc của UBND và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.2.2	Phiên họp của UBND cấp xã	0,5	Lường Thị Kim Doanh	
	- UBND cấp xã tổ chức họp đúng quy định = 0,5 điểm; - Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm.			Giấy mời họp tất cả các cuộc họp của UBND cấp xã theo quy định và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.2.3	Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân xã quyết định các nội dung quy định	0,5	Lường Thị Kim Doanh	
	- Thực hiện đúng quy định = 0,5 điểm; - Thực hiện không đúng = 0 điểm.			Tờ trình HĐND các nội dung theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.2.4	Tổ chức hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với người dân và tiếp thu, giải trình ý kiến, kiến nghị của người dân	1	Lường Thị Kim Doanh	
	- Trong năm tổ chức 02 lần = 1 điểm; - Trong năm tổ chức 01 lần = 0,5 điểm; - Không tổ chức = 0 điểm.			Kế hoạch tổ chức hội nghị tiếp xúc nhân dân, biên bản hội nghị, hình ảnh hội nghị đã tổ chức và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.2.5	Giải quyết ý kiến, kiến nghị, phản ánh của người dân	1	Lường Thị Kim Doanh	
	- 100% ý kiến, kiến nghị của nhân dân được giải quyết đúng thẩm quyền, đúng quy định = 1 điểm; - Dưới 100% ý kiến, kiến nghị của nhân dân được giải quyết = 0 điểm.			- Thống kê số lượng kiến nghị của từng hội nghị; kiến nghị đã giải quyết, chưa giải quyết. - Văn bản trả lời, giải trình, giải

				quyết kiến nghị của nhân dân và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.2.6	Tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	3,5	Phan Thị Linh	
a)	Nơi tiếp công dân	0,5	Phan Thị Linh	
	- <i>Bố trí nơi tiếp công dân đảm bảo trang nghiêm, lịch sự, đúng quy định = 0,5 điểm;</i> - <i>Không bố trí hoặc bố trí không đúng quy định = 0 điểm.</i>			Ảnh chụp thực tế bộ phận tiếp công dân của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
b)	Niêm yết công khai, đầy đủ nội quy tiếp công dân, sổ tiếp công dân, lịch tiếp công dân thường xuyên, định kỳ theo quy định của lãnh đạo địa phương	0,5	Phan Thị Linh	
	- <i>Niêm yết đầy đủ, đúng quy định = 0,5 điểm;</i> - <i>Niêm yết không đầy đủ = 0 điểm.</i>			Sổ tiếp công dân, lịch tiếp công dân của địa phương; địa chỉ liên kết đến nội dung đăng tải lịch tiếp công dân trên Trang thông tin điện tử và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
c)	Tổ chức tiếp công dân của người đứng đầu chính quyền cơ sở	0,5	Phan Thị Linh	
	- <i>Người đứng đầu cấp ủy cơ sở tiếp công dân ít nhất 24 ngày/năm hay 2 ngày/1 tháng = 0,5 điểm;</i> - <i>Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm.</i>			Báo cáo của UBND cấp xã, sổ Tiếp công dân, sổ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, sổ tiếp nhận đơn, thư; nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân thường xuyên và lịch tiếp định kỳ của người đứng đầu chính quyền.
d	Tổ chức tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy cơ sở	1	Hoàng Thị Vân Anh	
	- <i>Người đứng đầu chính quyền cơ sở tiếp công dân ít nhất 48 ngày/năm hay 1 ngày/1 tuần = 1 điểm;</i> - <i>Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm.</i>			Báo cáo của UBND cấp xã, sổ Tiếp công dân, sổ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, sổ tiếp nhận đơn, thư; nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân thường xuyên và lịch tiếp

				định kỳ của người đứng đầu chính quyền.
đ)	Tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	0,5	Phan Thị Linh Thành viên Hội đồng hoà giải cấp xã	
	<p>- Giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng quy định, đúng pháp luật đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, không có vụ khiếu kiện tập thể, khiếu kiện vượt cấp; không có đơn thư tồn đọng = 0,5 điểm;</p> <p>- Giải quyết đơn, thư khiếu kiện, kiến nghị của công dân không kịp thời, không đúng quy định hoặc để xảy ra tình trạng khiếu kiện vượt cấp, khiếu kiện tập thể = 0 điểm.</p>			<p>- Thống kê số lượng đơn, thư, kiến nghị, vấn đề đã được giải quyết, chưa giải quyết.</p> <p>- Số tiếp nhận đơn, thư; văn bản giải quyết đơn, thư của công dân, các văn bản liên quan để minh chứng và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn, kiểm tra, thực tế tại cơ sở.</p>
4.2.7	Sắp xếp, sáp nhập xóm, tổ dân phố	1	Lường Thị Kim Doanh	
	<p>- 100 % xóm, tổ dân phố không đủ tiêu chuẩn theo quy định được sắp xếp, sáp nhập theo quy định = 1 điểm;</p> <p>- Dưới 100 % = 0 điểm.</p>			<p>- Báo cáo của địa phương;</p> <p>- Thống kê tổng số xóm, tổ dân phố phải thực hiện sáp nhập. Số xóm, tổ dân phố đã thực hiện sắp xếp, sáp nhập.</p> <p>- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.</p>
4.3	Thực hiện dân chủ cơ sở	8		
4.3.1	Những nội dung công khai để nhân dân biết quy định tại Điều 5, Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11	1	Phan Trung Kiên và cán bộ, công chức liên quan (nếu có)	
	<p>- Công khai đầy đủ các nội dung, đủ 3 hình thức tại Điều 6 Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 và công khai trên Trang thông tin điện tử của cấp xã = 1 điểm;</p> <p>- Công khai không đầy đủ theo quy định = 0 điểm.</p>			Báo cáo của UBND cấp xã, biên bản công khai, Ảnh chụp, tài liệu, văn bản chứng minh hình thức công khai, thực tế tại cơ sở; địa chỉ liên kết đến Trang thông tin điện tử đăng tải công khai và kết quả kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.

4.3.2	Những nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp quy định tại Điều 10, Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11	1,5	Phan Trung Kiên và cán bộ, công chức liên quan (nếu có)	
a)	Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp	0,5	Phan Trung Kiên và cán bộ, công chức liên quan (nếu có)	
	- Thực hiện nghiêm túc việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương, mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp quy định của pháp luật = 0,5 điểm; - Không thực hiện hoặc thực hiện để nhân dân khiếu kiện, kiến nghị đến cấp có thẩm quyền = 0 điểm.			Báo cáo của UBND cấp xã, biên bản các cuộc họp xóm, tổ dân phố, thực tế tại cơ sở và theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
b)	Hình thức đề nhân dân bàn và quyết định trực tiếp	1	Phan Trung Kiên và cán bộ, công chức liên quan (nếu có)	
	- Thực hiện bằng 01 trong 02 hình thức sau: Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng xóm, tổ dân phố; Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình = 1 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm.			Báo cáo của UBND cấp xã, biên bản các cuộc họp xóm, tổ dân phố, biên bản lấy phiếu, tổng hợp phiếu xin ý kiến, thực tế tại cơ sở và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.3.3	Những nội dung nhân dân bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định quy định tại Điều 13, Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11	1,5	Phan Trung Kiên và cán bộ, công chức liên quan (nếu có)	
a)	Nội dung nhân dân bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định	0,5	Phan Trung Kiên và cán bộ, công chức liên quan (nếu có)	
	- Thực hiện đầy đủ 3 nội dung = 0,5 điểm; - Thực hiện không đầy đủ 3 nội dung = 0 điểm.			Báo cáo của UBND cấp xã, biên bản các cuộc họp xóm, tổ dân phố, thực tế tại cơ sở và theo dõi, đánh

				giá của các cơ quan chuyên môn.
b)	Hình thức nhân dân bàn và biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định	1	Phan Trung Kiên và cán bộ, công chức liên quan (nếu có)	
	- Thực hiện bằng 01 trong 02 hình thức: Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố; Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình = 1 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm.			Báo cáo của UBND cấp xã, biên bản các cuộc họp xóm, tổ dân phố, biên bản lấy phiếu, tổng hợp phiếu xin ý kiến, thực tế tại cơ sở và theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
4.3.4	Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định quy định tại Điều 19, Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11	1	Phan Trung Kiên và cán bộ, công chức liên quan (nếu có)	
a)	Nội dung nhân dân tham gia ý kiến	0,5		
	- Thực hiện đầy đủ 5 nội dung theo quy định = 0,5 điểm; - Thực hiện không đầy đủ 5 nội dung = 0 điểm.			Báo cáo của UBND cấp xã, văn bản xin ý kiến; biên bản họp thôn, tổ dân phố để nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo quy định; thực tế tại cơ sở và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của các cơ quan chuyên môn
b)	Hình thức nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định	0,5	Phan Trung Kiên và cán bộ, công chức liên quan (nếu có)	
	- Thực hiện bằng 01 trong 02 hình thức: Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố; Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình = 0,5 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm.			Báo cáo của UBND cấp xã, văn bản xin ý kiến; biên bản họp thôn, tổ dân phố để nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo quy định; thực tế tại cơ sở và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
4.3.5	Hoạt động giám sát của Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội ở cấp xã	1	Trần Thị Viện	

a)	Hoạt động giám sát		Trần Thị Viện	
	- Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội ở cấp xã thực hiện giám sát theo quy định = 0,5 điểm; - Không thực hiện chức năng giám sát = 0 điểm.	0,5		Kế hoạch hoạt động, báo cáo kết quả giám sát và theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
b)	Kiến nghị sau giám sát		Trần Thị Viện	
	- Qua giám sát phát hiện và xử lý, giải quyết vấn đề phát hiện hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết các vấn đề phát sinh qua giám sát = 0,5 điểm; - Qua giám sát “ <u>không</u> ” phát hiện vấn đề phát sinh “ <u>hoặc phát hiện</u> ” nhưng “ <u>không</u> ” kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết vấn đề phát sinh = 0 điểm.	0,5		Văn bản kiến nghị với cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết những vấn đề phát hiện qua giám sát; báo cáo của UBND cấp xã, kiểm tra, thực tế tại cơ sở.
4.3.6	Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân	1	Trần Thị Viện Trần Văn Nghị	
a)	Hoạt động giám sát	0,5	Trần Thị Viện Trần Văn Nghị	
	- Ban Thanh tra nhân dân thực hiện giám sát theo quy định = 0,5 điểm; - Không thực hiện chức năng giám sát = 0 điểm.			Kế hoạch hoạt động, báo cáo kết quả giám sát và theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
b)	Kiến nghị sau giám sát	0,5	Trần Thị Viện Trần Văn Nghị	
	- Qua giám sát phát hiện và xử lý, giải quyết vấn đề phát hiện hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết các vấn đề phát sinh qua giám sát = 0,5 điểm; - Qua giám sát “ <u>không</u> ” phát hiện vấn đề phát sinh “ <u>hoặc phát hiện</u> ” nhưng “ <u>không</u> ” kiến nghị với cơ quan thẩm quyền xử lý, giải quyết vấn đề phát sinh = 0 điểm.			Văn bản kiến nghị với cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết những vấn đề phát hiện qua giám sát; báo cáo của UBND cấp xã, kiểm tra, thực tế tại cơ sở và theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
4.3.7	Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	1	Trần Thị Viện	
a)	Hoạt động giám sát		Trần Thị Viện	
	- Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát theo quy định = 0,5 điểm; - Không thực hiện chức năng giám sát = 0 điểm.	0,5		Kế hoạch hoạt động, báo cáo kết quả giám sát và theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
b)	Kiến nghị sau giám sát	0,5	Trần Thị Viện	
	- Qua giám sát phát hiện và xử lý, giải quyết vấn đề phát			Văn bản kiến nghị với cấp có thẩm

	<i>hiện hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết các vấn đề phát sinh qua giám sát = 0,5 điểm; - Qua giám sát “<u>không</u>” phát hiện vấn đề phát sinh “<u>hoặc phát hiện</u>” nhưng “<u>không</u>” kiến nghị với cơ quan thẩm quyền xử lý, giải quyết vấn đề phát sinh = 0 điểm.</i>			quyền xử lý, giải quyết những vấn đề phát hiện qua giám sát; báo cáo của UBND cấp xã, kiểm tra, thực tế tại cơ sở và theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
		PHẦN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG IV: Sở Nội vụ chủ trì phối hợp cơ quan liên quan thẩm định điểm tự chấm với nội dung IV.		
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	10		
5.1	Chất lượng của cán bộ cấp xã	3,5	Lãnh đạo UBND	
5.1.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,5	Phan Thị Linh	
	<i>- 100% cán bộ đạt chuẩn = 0,5 điểm; - Các chức danh khác đạt chuẩn nhưng có chức danh Chủ tịch Hội Cựu chiến binh chưa đạt chuẩn = 0,25 điểm; - Có chức danh “không phải” Chủ tịch Hội Cựu chiến binh chưa đạt chuẩn = 0 điểm.</i>			- Thống kê toàn bộ số lượng, trình độ chuyên môn của các cán bộ. - Thống kê số lượng cán bộ đạt chuẩn theo quy định. - Báo cáo của UBND cấp xã và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
5.1.2	Chất lượng cán bộ cấp xã	1,5	Lãnh đạo UBND	
	<i>- Dưới 70% số cán bộ xã và dưới 80% số cán bộ phường, thị trấn có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên = 0 điểm; - Từ 70% số cán bộ xã trở lên và 80% số cán bộ phường, thị trấn có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên = 1,5 điểm.</i>			Báo cáo của UBND cấp xã, theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
5.1.3	Chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã	1,5	Lãnh đạo UBND	
	<i>- 100% cán bộ chủ chốt có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên = 1,5 điểm; - 100% cán bộ chủ chốt có trình độ chuyên môn từ cao đẳng, đại học trở lên = 1 điểm; - Dưới 100% cán bộ chủ chốt có trình độ chuyên môn từ cao đẳng, đại học trở lên = 0 điểm.</i>			- Thống kê số lượng cán bộ chủ chốt của cấp xã - Thống kê số lượng cán bộ chủ chốt của cấp xã có trình độ chuyên môn từ cao đẳng, đại học trở lên. - Báo cáo của địa phương và theo dõi của cơ quan chuyên môn.

5.2	Chất lượng của công chức cấp xã	1,5	Lãnh đạo UBND	
5.2(A)	Đối với phường, thị trấn (không áp dụng với Trường Công an và Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã)			
	<ul style="list-style-type: none"> - 90% công chức có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên = 1,5 điểm; - Dưới 90% công chức có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên = 0 điểm. 			<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê toàn bộ số lượng công chức của phường, thị trấn - Thống kê số lượng công chức của phường, thị trấn có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên. - Báo cáo của địa phương và theo dõi của cơ quan chuyên môn.
5.2(B)	Đối với xã (không áp dụng với Trường Công an và Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã):		Lãnh đạo UBND	
	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 80% công chức có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên = 1,5 điểm; - Dưới 80% công chức có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên = 0 điểm; 			<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê toàn bộ số lượng công chức của xã; - Thống kê số lượng công chức của xã có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên. - Báo cáo của UBND cấp xã và theo dõi của cơ quan chuyên môn.
5.3	Bí thư Đảng ủy cấp xã kiêm Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp xã	1,5	Lãnh đạo ĐU; Hoàng Thị Vân Anh	
	<ul style="list-style-type: none"> - Bí thư cấp xã kiêm Chủ tịch UBND cấp xã = 1,5 điểm; - Bí thư cấp xã kiêm Chủ tịch HĐND cấp xã = 0,5 điểm; - Bí thư cấp xã không kiêm Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp xã = 0 điểm. 			Báo cáo của Đảng ủy, UBND cấp xã và thực tế tại cơ sở.
5.4	Đánh giá cán bộ, công chức trên cơ sở kết quả công việc	0,5	Phan Thị Linh	
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định và có tiêu chí đánh giá định lượng cụ thể = 0,5 điểm; - Thực hiện không đúng quy định hoặc không có tiêu chí đánh giá định lượng cụ thể = 0 điểm. <p>*Lưu ý: Thời điểm gửi báo cáo tự chấm điểm về Hội đồng thẩm định cấp huyện mà UBND cấp xã chưa hoàn thành việc đánh giá cán bộ, công chức theo quy định, sẽ bổ sung</p>			Báo cáo của UBND cấp xã, văn bản đánh giá cán bộ, công chức của UBND cấp xã, theo dõi của cơ quan chuyên môn.

	<i>tài liệu kiểm chứng trong thời gian Hội đồng thẩm định cấp huyện thẩm định báo cáo tự chấm điểm của UBND cấp xã.</i>			
5.5	Cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	0,5	Phan Thị Linh	
	- <i>Cử cán bộ, công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo triệu tập của cấp có thẩm quyền = 0,5 điểm;</i> - <i>Không cử hoặc cử cán bộ, công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ không đầy đủ hoặc cán bộ, công chức được cử đi tham gia học tập không nghiêm túc, vi phạm quy định, quy chế của nhà trường, của lớp học do cơ quan có thẩm quyền tổ chức = 0 điểm.</i>			Báo cáo của UBND cấp xã, theo dõi của cơ quan chuyên môn.
5.6	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở	1	Phan Thị Linh	
	- <i>Trong năm không có cán bộ, công chức bị kỷ luật = 1 điểm;</i> - <i>Trong năm có cán bộ, công chức bị kỷ luật khiến trách = 0,25 điểm;</i> - <i>Trong năm có cán bộ, công chức từ cảnh cáo trở lên = 0 điểm.</i>			Báo cáo của UBND cấp xã; các văn bản, biên bản đánh giá cán bộ, công chức và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn, kiểm tra thực tế tại cơ sở.
5.7	Bố trí người hoạt động không chuyên trách	1,5	Lãnh đạo UBND; Vi Văn Điền	
5.7.1	Bố trí người hoạt động không chuyên trách ở xã	0,5	Vi Văn Điền	
	- <i>Bố trí đúng quy định = 0,5 điểm;</i> - <i>Bố trí không đúng quy định = 0 điểm.</i>			Báo cáo của UBND cấp xã; thống kê danh sách người hoạt động không chuyên trách ở xã và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
5.7.2	Bố trí người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp ở thôn, tổ dân phố	1	Vi Văn Điền	
	- <i>100% số thôn, tổ dân phố được bố trí người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp ở thôn đúng quy định = 1 điểm;</i> - <i>Dưới 100% = 0 điểm.</i>			Báo cáo của UBND cấp xã; thống kê danh sách người hoạt động không chuyên trách xóm, tổ dân phố theo từng thôn, tổ dân phố và

				theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG V: Sở Nội vụ chủ trì phối hợp cơ quan liên quan thẩm định điểm tự chấm với nội dung V.				
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	5		
6.1	Quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định	3	Vi Văn Điền	
6.1.1	Ban hành Quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý	1	Vi Văn Điền	
	- Ban hành đúng quy định = 1 điểm; - Không ban hành hoặc ban hành không đúng quy định = 0 điểm.			Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
6.1.2	Thực hiện công khai, kê khai tài sản công	1	Vi Văn Điền	
	- Định kỳ thực hiện kê khai, công khai tài sản công và báo cáo đầy đủ theo quy định = 1 điểm; - Thực hiện không đúng quy định hoặc không báo cáo = 0 điểm.			Báo cáo công khai tài sản công của địa phương và theo dõi của cơ quan chuyên môn.
6.1.3	Thực hiện đúng quy định về định mức sử dụng trang thiết bị, tài sản công	1	Vi Văn Điền	
	- Thực hiện đúng quy định = 1 điểm; - Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm.			Báo cáo của cơ quan, đơn vị và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn
6.2	Thực hiện cơ chế khoán biên chế, kinh phí hành chính	1	Vi Văn Điền	
6.2.1	Quy chế chi tiêu nội bộ	0,5	Vi Văn Điền	
	- Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung kịp thời quy chế chi tiêu nội bộ đúng quy định = 0,5 điểm; - Không ban hành hoặc không sửa đổi, bổ sung kịp thời quy chế chi tiêu nội bộ = 0 điểm.			Quy chế làm việc được ban hành hoặc sửa đổi bổ sung và , theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
6.2.2	Thực hiện khoán biên chế, kinh phí	0,5	Vi Văn Điền	
	- Thực hiện hiệu quả, đúng quy định = 0,5 điểm; - Thực hiện không hiệu quả, không đúng quy định = 0 điểm.			Các văn bản, tài liệu minh chứng; báo cáo của UBND cấp xã và theo

				đôi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
6.3	Thực hiện công khai dự toán, quyết toán việc sử dụng ngân sách	1	Vi Văn Điền	
6.3.1	Công khai tại trụ sở làm việc	0,5	Vi Văn Điền	
	- Thực hiện đúng quy định = 0,5 điểm; - Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm.			Báo cáo công khai dự toán năm 2021, quyết toán ngân sách năm 2020 của địa phương; ảnh chụp các hình thức công khai tại trụ sở cơ quan và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
6.3.2	Công khai trên Trang thông tin điện tử	0,5	Luân Đức Tú; Vi Văn Điền	
	- Thực hiện đúng quy định = 0,5 điểm; - Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm.			Địa chỉ liên kết đến Trang thông tin điện tử đăng tải thông tin công khai dự toán, quyết toán ngân sách theo quy định và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
		PHÂN CÔNG THÂM ĐỊNH ĐIỂM TƯ CHÁM NỘI DUNG VI		
		- Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của nội dung VI.		
VII	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	12	Luân Đức Tú	
7.1	Chuyển đổi nhận thức	2	Luân Đức Tú	
7.1.1	Lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy	0,5	Hoàng Thị Vân Anh	
	- Cấp ủy cơ địa phương ban hành Nghị quyết, chỉ thị lãnh đạo thực hiện chuyển đổi số = 0,5 điểm; - Không ban hành = 0 điểm.			Văn bản chuyên đề của cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.1.2	Thành lập bộ phận về chuyển đổi số	0,5	Luân Đức Tú	
	- Thành lập Tổ/bộ phận kiêm nhiệm về chuyển đổi số và			Quyết định thành lập, phân công

	<i>phân công Chủ tịch UBND cấp xã trực tiếp phụ trách = 0,5 điểm;</i> <i>- Thành lập Tổ/bộ phận kiêm nhiệm về chuyển đổi số và phân công Phó Chủ tịch UBND cấp xã phụ trách = 0,25 điểm;</i> <i>- Chưa thực hiện = 0 điểm.</i>			phụ trách công tác chuyển đổi số và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.1.3	Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số, chính quyền số	0,5	Luân Đức Tú	
	<i>- Tổ chức hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, chính quyền số hoặc in tờ gấp, bài viết tuyên truyền chuyển đổi số, chính quyền số hoặc xây dựng chuyên mục về chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử của địa phương = 0,5 điểm;</i> <i>- Không thực hiện hình thức nào = 0 điểm.</i>			- Kế hoạch hoặc giấy mời, hình ảnh, tin, bài viết minh chứng việc đã tổ chức hội nghị tập huấn. - Địa chỉ liên kết đến chuyên mục về chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử của đơn vị và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn
7.1.4	Gắn kết, lồng ghép chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số với phong trào thi đua và lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số.	0,5	Lường Thị Kim Doanh	
	<i>- Phát động phong trào thi đua chuyển đổi số, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính số tại địa phương và lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến có thành tích xuất sắc trong công tác chuyển đổi số = 0,5 điểm;</i> <i>- Không thực hiện = 0 điểm.</i>			Văn bản minh chứng tổ chức phong trào thi đua, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng cho tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác chuyển đổi số và theo dõi, đánh giá, kiểm tra của cơ quan chuyên môn.
7.2	Xây dựng Chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, chính quyền số	1,5	Luân Đức Tú	
7.2.1	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số	0,5	Luân Đức Tú	
	<i>- Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021 – 2025 = 0,25 điểm;</i> <i>- Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm = 0,25 điểm;</i>			Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021 – 2025, Kế hoạch chuyển đổi số năm của địa phương và theo dõi,

	- Không xây dựng = 0 điểm.			kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.2.2	Nhiệm vụ chuyển đổi số được phê duyệt	1	Luân Đức Tú	
	- Trong năm có phê duyệt nhiệm vụ, đề án, dự án chuyển đổi số, ứng dụng CNTT theo quy định = 1 điểm ; - Không có = 0 điểm.			<i>Quyết định, Kế hoạch, kết luận giao ban, kế hoạch công tác, công văn, thiết kết, thuyết minh dự án, đề án.... và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.</i>
7.3	Nguồn lực thực hiện chuyển đổi số	1	Luân Đức Tú	
7.3.1	Bố trí công chức chuyên môn phụ trách chuyển đổi số	0,5	Luân Đức Tú	
	- Bố trí công chức phụ trách chuyển đổi số có chuyên môn từ Đại học trở lên và được bồi dưỡng về công nghệ thông tin = 0,5 điểm ; - Bố trí công chức phụ trách chuyển đổi số có chuyên môn trung cấp hoặc cao đẳng và được bồi dưỡng về công nghệ thông tin = 0,25 điểm ; - Bố trí phân công khác với yêu cầu trên = 0 điểm.			Quyết định phân công, bản sao, ảnh chụp bằng chuyên môn và chứng chỉ bồi dưỡng của công chức phụ trách chuyển đổi số và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.3.2	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về chuyển đổi số tại địa phương	0,5	Luân Đức Tú	
	- Có Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số hoặc cử công chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức = 0,5 điểm ; - Không thực hiện = 0 điểm.			Kế hoạch, giấy mời dự tập huấn về bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trong ngành và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.4	Hoạt động của chính quyền điện tử, chính quyền số	7,5	Luân Đức Tú	
7.4.1	Trang thiết bị công nghệ thông tin	1	Luân Đức Tú	
a)	Máy quét văn bản	0,5		
	- Có trang bị và đáp ứng yêu cầu = 0,5 điểm ; - Không trang bị hoặc có trang bị nhưng không đáp ứng yêu cầu = 0 điểm.			Báo cáo của địa phương; thực tế tại cơ sở và theo dõi đánh giá của cơ quan chuyên môn.
b)	Tỷ lệ máy vi tính	0,5	Luân Đức Tú	

	- 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính, đáp ứng yêu cầu công việc = 0,5 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm .			Báo cáo của địa phương; thực tế tại cơ sở và theo dõi đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.4.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thư điện tử trong thực thi công vụ	0,5	Luân Đức Tú	
	- Từ 100% CBCCVV được cấp tài khoản và sử dụng thường xuyên = 0,5 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm . * Lưu ý: chỉ áp dụng với Hệ thống thư điện tử của tỉnh có tên miền:@thainguyen.gov.vn).			Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm, kiểm tra trực tiếp trên hệ thống thư điện tử và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.4.3	Phần mềm quản lý văn bản	2	Phan Thị Linh	
a)	Trao đổi văn bản điện tử	1		
	- 100% văn bản được trao đổi dưới dạng điện tử (trừ văn bản theo quy định không được gửi, nhân qua mạng internet) trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hỗ trợ điều hành = 1 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm . * Lưu ý: đối với văn bản gửi đến các xóm, không yêu cầu gửi liên thông nhưng phải đảm bảo 100% được số hóa và cập nhật trên phần mềm QLVB&HTĐH.			Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm, kiểm tra trực tiếp trên hệ thống và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
b)	Tạo, lập hồ sơ công việc điện tử	0,5	CBCC cơ quan	
	- 100% cán bộ, công chức tạo, lập hồ sơ công việc điện tử theo hướng dẫn và xử lý trên môi trường mạng = 0,5 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm .			Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm, kiểm tra trực tiếp trên hệ thống và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
c)	Lập lịch công tác của lãnh đạo trên phần mềm QLVB&HTĐH	0,5	Lường Thị Kim Doanh	
	- 100% lịch công tác của lãnh đạo UBND được cập nhật đầy đủ, kịp thời trên phần mềm = 0,5 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm .			Báo cáo của địa phương và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn, truy cập, kiểm tra trực tiếp vào phần mềm quản lý văn bản và hỗ trợ điều hành của địa phương.
7.4.4	Chữ ký điện tử, chữ ký số	1,5	Lãnh đạo UBND	

			Phan Thị Linh	
	- 100% văn bản điện tử đi được ký số trực tiếp trên phần mềm và được gửi liên thông trên phần mềm quản lý văn bản và hỗ trợ điều hành = 1,5 điểm ; - Dưới 100% văn bản được ký số trực tiếp = 0 điểm .			Báo cáo của địa phương và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn, truy cập, kiểm tra trực tiếp vào phần mềm quản lý văn bản và hỗ trợ điều hành của địa phương.
7.4.5	Trang thông tin điện tử	1	Luân Đức Tú	
a)	Cung cấp thông tin theo quy định	0,75	Luân Đức Tú	
	- Thông tin giới thiệu và các hoạt động về địa phương = 0,25 điểm ; - Đăng tải công khai đầy đủ thông tin (tuyển dụng công chức, viên chức; tài chính, ngân sách; thủ tục hành chính; văn bản QPPL..) = 0,25 điểm ; - Thông tin, báo cáo thống kê; Thông tin về chương trình, đề tài khoa học, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân = 0,25 điểm . * Lưu ý: Không cung cấp thông tin nội dung nào thì chấm 0 điểm với nội dung đó đến khi bằng 0 điểm .			Địa chỉ liên kết đến Trang thông tin điện tử của địa phương, kiểm tra trực tiếp trên Trang thông tin điện tử và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
b)	Ban biên tập Trang thông tin điện tử	0,25	Luân Đức Tú	
	* Yêu cầu: - Thành lập hoặc kịp thời kiện toàn Ban biên tập = 0,25 điểm ; - Không thành lập hoặc không kịp thời hoặc kiện toàn Ban biên tập = 0 điểm .			Quyết định thành lập, kiện toàn Ban biên tập, quy chế hoạt động...vv và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.4.6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1	Bộ phận một cửa	
a)	Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp ở mức độ 4	0,5		
	- Từ 80% trở lên = 0,5 điểm ; - Dưới 80% = 0 điểm .			
b)	Dịch vụ công trực tuyến cung cấp có phát sinh hồ sơ	0,5	Bộ phận một cửa	
	- Có phát sinh hồ sơ = 0,5 điểm ; - Không phát sinh hồ sơ = 0 điểm			Báo cáo của địa phương, theo dõi, đánh giá và kiểm tra trực tiếp trên hệ thống của cơ quan chuyên môn.
7.4.7	Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI	0,5	Bộ phận một cửa	

a)	Tỷ lệ hồ sơ “tiếp nhận” qua dịch vụ bưu chính công ích	0,25	Bộ phận một cửa	
	- Trong năm có từ 10 hồ sơ được “tiếp nhận” qua dịch vụ bưu chính công ích trở lên = 0,25 điểm ; - Dưới 10 hồ sơ được tiếp nhận = 0 điểm .			Báo cáo thực hiện CCHC, kiểm soát TTHC của UBND cấp xã, văn bản thông báo TTHC tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính, hóa đơn, chứng từ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính và thực tế tại cơ sở; Tổng hợp số liệu từ báo cáo của Bưu điện cấp huyện.
b)	Tỷ lệ hồ sơ “trả kết” quả qua dịch vụ bưu chính	0,25	Bộ phận một cửa	
	- Trong năm có từ 10 hồ sơ được “trả kết quả” qua dịch vụ bưu chính công ích = 0,25 điểm ; - Không có hồ sơ được tiếp nhận = 0 điểm .			Báo cáo thực hiện CCHC, kiểm soát TTHC của UBND cấp xã, văn bản thông báo TTHC tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính, hóa đơn, chứng từ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính và thực tế tại cơ sở; Tổng hợp số liệu từ báo cáo của Bưu điện cấp huyện.
		<u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG VII</u>		
		- Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của nội dung VII.		
VIII	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở ĐỊA PHƯƠNG	16		
8.1	Về phát triển kinh tế - xã hội	3		
8.1.1	Thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được giao	1,5	Lường Thị Kim Doanh (BC KTXH phải thể hiện nội dung này);	
	- Hoàn thành 100% các chỉ tiêu đề ra = 1,5 điểm ; - Hoàn thành từ 95% đến dưới 100% = 0,5 điểm ; - Hoàn thành từ 90% đến dưới 95% = 0,25 điểm ; - Hoàn thành dưới 90% = 0 điểm .			Nghị quyết của HĐND, kế hoạch phát triển KT-XH; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT – XH và theo dõi, đánh giá của cơ

				quan chuyên môn.
8.1.2	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của địa phương theo Kế hoạch được giao	1,5	Vi Văn Điền (<i>BC KTXH phải thể hiện nội dung này</i>);	
	<p>- <i>Nếu thu ngân sách của địa phương trong năm vượt chỉ tiêu được giao từ 3% trở lên thì = 1,5 điểm;</i></p> <p>- <i>Nếu đạt hoặc vượt chỉ tiêu dưới 3% thì = 1 điểm;</i></p> <p>- <i>Nếu không hoàn thành chỉ tiêu = 0 điểm.</i></p> <p>Ví dụ: Dự toán thu ngân sách của xã A năm 2021 được giao là 1.000 triệu đồng. Kết quả thực hiện thu ngân sách trong năm là 1.040 triệu đồng. Tỷ lệ đạt là 1.000/1.040 = 104% kế hoạch (Tức là vượt kế hoạch 4%).</p>			<p>Dự toán thu ngân sách trong năm được cấp huyện giao. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.</p> <p>Lưu ý: Kết quả thực hiện thu ngân sách được tính tỷ lệ %: Tổng số thu ngân sách trong năm/tổng số dự toán thu được giao theo kế hoạch.</p>
8.2	VỀ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH	3		
8.2.1	Thực hiện tuyển sinh quân sự, tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ	1	Ban chỉ huy Quân sự xã	
	<p>- <i>Thực hiện tuyển sinh quân sự, tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đúng Luật nghĩa vụ quân sự, có chất lượng tốt, hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao = 1 điểm;</i></p> <p>- <i>Thực hiện không tốt, không đúng quy định hoặc không hoàn thành chỉ tiêu được giao = 0 điểm.</i></p>			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
8.2.2	Kế hoạch diễn tập, huấn luyện dân quân; đăng ký, quản lý huy động quân nhân dự bị động viên	1	Chỉ huy trưởng Quân sự xã	
	<p>- <i>Hoàn thành 100% kế hoạch diễn tập, huấn luyện dân quân; đăng ký, quản lý huy động quân nhân dự bị động viên = 1 điểm;</i></p> <p>- <i>Hoàn thành dưới 100% = 0 điểm.</i></p>			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
8.2.3	Thôn, tổ dân phố được công nhận đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" theo quy định	1	Trưởng Công an xã	
	- <i>80% trở lên số thôn, tổ dân phố được công nhận đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" không để xảy ra các vụ việc, tụ điểm phức tạp, hình thành "điểm nóng" về an ninh</i>			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.

	<i>trật tự trên địa bàn = 1 điểm;</i> <i>- Dưới 80% = 0 điểm.</i>			
8.3	VỀ KẾT CẤU HẠ TẦNG	5		
8.3.1	Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới (<i>đối với xã</i>) và quản lý các hoạt động xây dựng (<i>đối với phường, thị trấn</i>)	1	Lường Thị Kim Doanh	Báo cáo xây dựng NTM
8.3.1 (A)	Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (<i>đối với xã</i>)		Lường Thị Kim Doanh	
	- Trong năm được công nhận hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới (xã chưa đạt chuẩn NTM); duy trì và nâng cao các tiêu chí NTM (<i>đối với xã đã hoàn thành chương trình xây dựng NTM từ các năm trước</i>)= 1 điểm. - Chưa hoàn thành hoặc đã hoàn thành nhưng không duy trì và nâng cao được một trong các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới = 0 điểm.			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
8.3.1 (B)	Quản lý các hoạt động xây dựng (<i>đối với phường, thị trấn</i>)			
	- Quản lý tốt việc xây dựng nhà ở, lòng đường, vỉa hè và công trình khác của nhân dân không để xảy ra vi phạm, mất trật tự an toàn giao thông = 1 điểm - Quản lý không tốt, để xảy ra vi phạm = 0 điểm			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
8.3.2	Hệ thống đường giao thông	1,5	Hoàng Văn Hường	
a)	Đường liên thôn (tổ dân phố)	0,5	Hoàng Văn Hường Lường T Kim Doanh	Báo cáo xây dựng NTM
	- 100% đường liên thôn (tổ dân phố) được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện = 0,5 điểm; - Dưới 100% = 0 điểm.			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
b)	Đường trục thôn, đường ngõ	0,5	Hoàng Văn Hường Lường Thị Kim Doanh <i>(BC KTXH phải thể hiện nội)</i>	Báo cáo xây dựng NTM

			<i>dung này)</i>	
	<ul style="list-style-type: none"> - 100% đường trục thôn, đường đường ngõ được bê tông hóa, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện = 0,5 điểm; - Từ 80% đến dưới 100% = 0,25 điểm; - Dưới 80% = 0 điểm. 			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
c)	Hệ thống chiếu sáng đường giao thông	0,5	Hoàng Văn Hường Lường Thị Kim Doanh (BC KTXH phải thể hiện nội dung này)	
	<ul style="list-style-type: none"> - 100% đường liên thôn (tổ dân phố) được chiếu sáng đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện = 0,5 điểm; - Từ 80% đến dưới 100% = 0,25 điểm; - Dưới 80% = 0 điểm. 			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
8.3.3	Tỷ lệ người dân dùng nước sạch theo quy định	1	Luân Đức Tú	
8.3.3 (A)	Đối với phường, thị trấn			
	<ul style="list-style-type: none"> - 100% người dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế = 1 điểm; - Dưới 100% = 0 điểm. 			
8.3.3 (B)	Đối với xã		Luân Đức Tú	Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 90% người dân trở lên được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế = 1 điểm; - Dưới 90% = 0 điểm. 			
8.3.4	Hệ thống thông tin, liên lạc	1	Luân Đức Tú	
	<ul style="list-style-type: none"> - Có điểm phục vụ dịch vụ bưu chính, chuyển phát, các dịch vụ viễn thông, Internet và 100% hộ gia đình được sử dụng 			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh

	<i>các dịch vụ nói trên = 1 điểm;</i> <i>- Không đáp ứng yêu cầu và dưới 100% hộ gia đình được sử dụng các dịch vụ nói trên = 0 điểm.</i>			giá của các cơ quan chuyên môn.
8.3.5	Hệ thống điện lưới quốc gia	0,5	Lường Thị Kim Doanh	
	<i>- 100% hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia = 0,5 điểm;</i> <i>- Dưới 100% = 0 điểm.</i>			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
8.4	VỀ GIÁO DỤC, Y TẾ VÀ VĂN HÓA - XÃ HỘI	4		
8.4.1	Cơ sở vật chất trường học và thu các khoản đóng góp tự nguyện trong trường học.	1,5	Hiệu trưởng 3 Trường học	
a)	Cơ sở vật chất trường học	0,5	Hiệu trưởng 3 Trường học	
	<i>- Có 2/3 cấp trường học trở lên (mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn) đạt chuẩn theo quy định = 0,5 điểm;</i> <i>- Không đạt chuẩn = 0 điểm.</i>			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn (Văn bản, biên bản và các chứng từ liên quan).
b)	Huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường	0,5	Đ/c Hiệu trưởng Trường Năm Non	
	<i>- 100% trẻ trong độ tuổi được đến trường = 0,5 điểm;</i> <i>- Dưới 100% = 0 điểm.</i>			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn
c)	Tình trạng lạm thu trong trường học	0,5	Hiệu trưởng 3 Trường học	
	<i>- Thu các khoản đóng góp đúng quy định = 0,5 điểm;</i> <i>- Để xảy ra tình trạng lạm thu, thu không đúng quy định các khoản đóng góp của phụ huynh học sinh = 0 điểm.</i>			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn
8.4.2	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	0,5	Đỗ Văn Hoàng	
a)	Đối với phường, thị trấn			
	<i>- Đạt 100% = 0,5 điểm;</i> <i>- Dưới 100% = 0 điểm.</i>			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn (Văn bản, biên bản và các chứng từ liên quan).
b)	Đối với xã		Đỗ Văn Hoàng	

	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt 98% trở lên = 0,5 điểm; - Dưới 98% = 0 điểm. 			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn (Văn bản, biên bản và chứng từ liên quan).
8.4.3	Khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân	1,5	Trạm y tế thực hiện	
a)	Cơ sở vật chất trạm y tế	0,5		
	<ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế đạt chuẩn theo quy định = 0,5 điểm; - Trạm y tế đạt không đạt chuẩn theo quy định = 0 điểm. 			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
b)	Chăm sóc sức khỏe cho nhân dân	0,5	Trạm y tế thực hiện	
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt công tác y tế cộng đồng đối với người dân = 0,5 điểm; - Không thực hiện tốt công tác y tế cộng đồng đối với người dân = 0 điểm. 			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
c)	Tiêm phòng cho trẻ em	0,5	Trạm y tế thực hiện	
	<ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ em trong độ tuổi được tiêm phòng = 0,5 điểm; - Dưới 100% trẻ em trong độ tuổi được tiêm = 0 điểm. 			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
8.4.4	Thực hiện chế độ, chính sách người có công với Cách mạng, chính sách trợ giúp xã hội	0,5	Đỗ Văn Hoàng	
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng, đầy đủ quy định về chính sách đối với gia đình chính sách, người có công, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.... Địa phương không để xảy ra vi phạm, khiếu kiện = 0,5 điểm; - Thực hiện không đúng quy định, trong năm địa phương để xảy ra vi phạm, khiếu kiện = 0 điểm. 			Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn (Văn bản, biên bản và các chứng từ liên quan).
8.5	Về quản lý tài nguyên, môi trường	1	Đỗ Văn Hoàng	
8.5.1	Bố trí các điểm tập kết rác thải sinh hoạt; sắp xếp các điểm chợ, điểm giết mổ gia súc, gia cầm (nếu có) hợp vệ sinh, đúng quy định.	0,5	Đỗ Văn Hoàng Trạm Y tế	Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt vệ sinh môi trường trên địa bàn, không có 			- Các địa phương bố trí điểm tập

	<i>phản ánh, kiến nghị về tình trạng rác thải, giết mổ gia súc, gia cầm không đúng quy định = 0,5 điểm;</i> <i>- Thực hiện không tốt = 0 điểm.</i>			kết rác thải sinh hoạt; sắp xếp các điểm chợ, điểm giết mổ gia súc, gia cầm (nếu có) hợp vệ sinh, đúng quy định; không có phản ánh, kiến nghị của người dân, cơ quan báo chí về tình trạng rác thải, ô nhiễm môi trường trong cộng đồng dân cư trên địa bàn.
8.5.2	Quản lý sử dụng đất và công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn (nếu có)	0,5	Hoàng Văn Hương	
	<i>- Quản lý sử dụng đất và thực hiện hoặc phối hợp thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn (nếu có), trong năm không để xảy ra các vi phạm = 0,5 điểm;</i> <i>- Trong năm để xảy ra vi phạm = 0 điểm.</i>			